

THỰC HIỆN PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VÀ HOẠT ĐỘNG ÁP DỤNG PHÁP LUẬT HÌNH SỰ: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN

HỒ SỸ SON*

Thực hiện pháp luật hình sự và hoạt động áp dụng pháp luật hình sự là những vấn đề mới mẻ trong khoa học luật hình sự của nước ta. Bài viết nghiên cứu những vấn đề lý luận về thực hiện và áp dụng pháp luật hình sự để đi tới một số nhận thức thống nhất trong các nội dung nêu trên.

Từ khóa: Pháp luật hình sự, thực hiện pháp luật hình sự, áp dụng pháp luật hình sự.

Ngày nhận bài: 16/3/2021; Biên tập xong: 24/3/2021; Duyệt đăng: 09/4/2021

Criminal law implementation and application are new issues in our science of criminal law. This article studies theoretical issues about the implementation and application of criminal law to make unified perception in these mentioned matters.

Keywords: Criminal law, criminal law implementation, criminal law application.

Vấn đề thực hiện pháp luật đã được đề cập nhiều trong lý luận chung về pháp luật, nhưng chưa được nghiên cứu trong các khoa học pháp lý chuyên ngành, trong đó có khoa học luật hình sự. Cho mãi đến thời gian gần đây, trong khoa học luật hình sự nước ta mới xuất hiện một số công trình nghiên cứu về áp dụng pháp luật hình sự¹ vốn được biết đến như một hình thức thực hiện pháp luật hình sự. Bởi vậy, một số vấn đề lý luận về thực hiện pháp luật hình sự cũng như về hoạt động áp dụng pháp luật hình sự chưa được nhận thức một cách đầy đủ và thống nhất đã và đang tác động không tốt đến chất lượng hoạt động áp dụng pháp luật hình sự ở nước ta. Tình trạng không tuân thủ pháp luật, không thi hành pháp luật, không sử dụng (vận dụng) pháp luật trong hoạt động áp dụng

pháp luật hình sự của một số cá nhân, cơ quan nhà nước có thẩm quyền, xét đến cùng cũng là hệ lụy của nhiều cách hiểu khác nhau, t thống nhất, thậm chí thiếu chính xác về thực hiện pháp luật hình sự cũng như về hoạt động áp dụng pháp luật hình sự. Chính yêu cầu bảo vệ công lý, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân đã đặt ra nhu cầu nghiên cứu một cách thấu đáo tất cả các khía cạnh lý luận của thực hiện pháp luật hình sự và của hoạt động áp dụng pháp luật hình sự. Bài viết dưới đây được thực hiện nhằm góp phần phức đáp nhu cầu bức thiết nói trên.

1. Khái niệm và đặc điểm của thực hiện pháp luật hình sự

Để có thể nhận thức một cách thấu đáo về thực hiện pháp luật hình sự, trước hết cần làm sáng tỏ khái niệm “thực hiện pháp luật”. Cho đến nay, trong khoa học

1 Xem: * Hồ Sỹ Sơn, *Áp dụng pháp luật hình sự: Một số vấn đề lý luận*, Tạp chí Nhân lực Khoa học xã hội, số 2/2018, tr. 3-12.

* Võ Khánh Vinh, *Áp dụng pháp luật hình sự: Những vấn đề lý luận và thực tiễn (Kỳ I)*, Tạp chí Khoa học Kiểm sát, số 03 (38) 2020, tr. 6-15; (Kỳ II), số 04(40) 2020, tr. 3-14.

* Phó Giáo sư, Tiến sĩ, Phó Giám đốc Học viện Khoa học xã hội

pháp lý trong và ngoài nước, “thực hiện pháp luật” được hiểu theo nhiều cách khác nhau. Chẳng hạn, có quan điểm cho rằng, “thực hiện pháp luật” được hiểu “là hoạt động, hành vi của các chủ thể pháp luật phù hợp các quy định của pháp luật”². Thực hiện pháp luật, theo một quan điểm khác “là việc thực hiện những khả năng pháp luật mà Nhà nước quy định và bảo đảm để đưa chúng vào cuộc sống thông qua hành vi của con người và hoạt động của cơ quan, tổ chức”³. Cũng có quan điểm khẳng định: “Thực hiện pháp luật là việc chuyển tải nội dung của hành vi hợp pháp của các chủ thể dưới hình thức sử dụng các quyền thuộc về họ, thi hành các nghĩa vụ và tuân theo các điều cấm nhằm thỏa mãn nhu cầu và lợi ích của các chủ thể pháp luật, đạt được mục đích của pháp luật”⁴. Lại có quan điểm cho rằng “Thực hiện pháp luật là hành vi xã hội của các chủ thể pháp luật, vốn hàm chứa trong các quy phạm pháp luật, là hoạt động thực tiễn nhằm thực hiện các quyền và thi hành các nghĩa vụ”⁵.

Kết quả phân tích nội dung của các quan điểm trên đây về thực hiện pháp luật cho thấy, chúng không thỏa mãn đầy đủ các yêu cầu của thực hiện pháp luật hình sự. Vấn đề là ở chỗ, cùng với việc bảo vệ các quan hệ xã hội nền tảng, pháp luật hình sự thực hiện nhiệm vụ bảo vệ quyền con người, quyền công dân, mà xét đến cùng là bảo vệ quyền pháp lý, bảo đảm quyền được hành động hợp pháp của họ bằng cách quy định những hành

vi nào nguy hiểm cho xã hội là tội phạm; quy định ranh giới tội phạm và hình phạt; quy định các loại hành vi hợp pháp riêng biệt của công dân, chứ không hướng tới “xây dựng” những hình thức hoạt động thực tiễn của con người. Nói cách khác, pháp luật hình sự không chú trọng đến việc điều chỉnh và việc thực hiện hành vi hợp pháp, có ích của con người cho xã hội vốn được nhấn mạnh trong các quan điểm trên đây về thực hiện pháp luật. Sự điều chỉnh của pháp luật hình sự không hẳn là cho phép chủ thể thực hiện hành vi hợp pháp, có ích cho xã hội (đó chỉ là một khía cạnh nhưng không phải là quan trọng nhất của sự điều chỉnh pháp luật hình sự) mà chủ yếu là cấm chủ thể thực hiện hành vi tội phạm chống lại xã hội. Điều chỉnh hành vi có nghĩa là đưa hành vi nào đó vào hệ thống và trật tự hóa nó theo những quy tắc nhất định. Điều chỉnh hành vi chỉ xảy ra khi mà chủ thể hành vi nhận thức được rằng hành vi đó bị pháp luật hình sự cấm thực hiện.

Tất nhiên, chủ thể không thể nhận thức được điều đó nếu không có các quy phạm pháp luật hình sự thuộc Phần các tội phạm cụ thể của Bộ luật hình sự (BLHS). Về vấn đề này, có thể chia sẻ với quan điểm cho rằng “*pháp luật hình sự điều chỉnh khi bảo vệ; khi bảo vệ, pháp luật hình sự điều chỉnh*”⁶. Như vậy, có cơ sở để nói về cơ chế bảo vệ của pháp luật hình sự nhiều hơn là nói về cơ chế điều chỉnh của pháp luật hình sự. Trong mọi trường hợp, điều quan trọng trước hết là xác định trước những quan hệ xã hội nào cần được bảo vệ bằng pháp luật hình sự, chứ không làm ngược lại là xác định những quan hệ xã hội nào cần điều chỉnh bằng pháp luật hình sự. Điều chỉnh và bảo vệ, xét về thực chất cũng chỉ là hai bình diện khác nhau của cơ chế tác

² Xem: Võ Khánh Vinh, (Chủ biên), Giáo trình Lý luận chung về Nhà nước và Pháp luật, NXB Công an nhân dân, Hà Nội, 2008, tr. 334.

³ Xem: Leushin V. N, Thực hiện và áp dụng pháp luật, trong sách “Lý luận về Nhà nước và Pháp luật”, Mátxcova, 2000, tr.392 (Tiếng Nga).

⁴ Xem: Aphanax’ev V. S, Các khái niệm cơ bản về pháp luật và các hiện tượng pháp lý, Mátxcova, 1997, tr.40 (Tiếng Nga).

⁵ Xem: Vengherov A.B, Lý luận về Nhà nước và pháp luật, Mátxcova, 2000, tr. 428 (Tiếng Nga)

⁶ Xem: Koghan V.M., Cơ chế xã hội của sự tác động của pháp luật hình sự, Mátxcova, 1983, tr. 144 (Tiếng Nga)

động thống nhất của pháp luật hình sự. Hơn thế nữa, sự tác động đó được bắt đầu ngay từ thời điểm BLHS có hiệu lực pháp luật vì quy phạm pháp luật hình sự không chỉ chứa đựng quy tắc hành vi (cách xử sự) mà còn chứa đựng cả chế tài được dự liệu đối với sự vi phạm quy tắc hành vi đó. Chủ thể vi phạm quy tắc hành vi, vì vậy không thể không chịu hậu quả pháp lý bất lợi (tiêu cực) tương thích với chế tài của quy phạm pháp luật hình sự. Chính vì vậy, các bình diện trên đây của sự tác động của pháp luật hình sự không thể tách rời nhau mà thống nhất với nhau.

Tương tự, các quan hệ điều chỉnh và các quan hệ bảo vệ của pháp luật hình sự cũng thống nhất với nhau. Tuy nhiên, trong các mối quan hệ điều chỉnh - bảo vệ của pháp luật hình sự, quan hệ điều chỉnh của pháp luật hình sự có trước quan hệ bảo vệ của nó. Về vấn đề này, không thể không chia sẻ với quan điểm cho rằng, *“các quan hệ điều chỉnh bắt đầu xuất hiện từ khi xuất hiện các tình huống cụ thể có tính điển hình và có ý nghĩa về mặt pháp luật được quy định trong bộ phận giả định của quy phạm pháp luật hình sự. Những tình huống đó hình thành trong các lĩnh vực khác nhau của đời sống xã hội. Cùng với sự xuất hiện của các tình huống xã hội cụ thể, quy phạm pháp luật hình sự bắt đầu thực hiện vai trò xã hội của mình: đối với đa số hành vi của con người, quy phạm pháp luật hình sự xác lập trật tự đã được nhà làm luật mô hình hóa trong quy phạm pháp luật hình sự”*⁷. Trong khi đó, mô hình của tất cả những tình huống xã hội có tính điển hình và có ý nghĩa về mặt pháp luật cần phải được nhà làm luật quy định trong quy phạm pháp luật hình sự trước khi chúng xuất hiện trên thực tế. Chính vì vậy, vai trò xã hội của quy phạm

pháp luật hình sự thể hiện sớm hơn so với thời điểm xuất hiện của tình huống xã hội cụ thể trong đời sống xã hội. Vai trò xã hội của quy phạm pháp luật hình sự thể hiện ở sự định hướng trước cho chủ thể (cá nhân hoặc pháp nhân thương mại) “cách” thực hiện quy tắc hành vi đã được ghi nhận trong quy phạm pháp luật hình sự khi giải quyết tình huống xã hội tương ứng, ngăn chặn chủ thể gây hậu quả nguy hiểm cho xã hội do không tuân thủ quy tắc hành vi đã được ghi nhận trong quy phạm pháp luật hình sự.

Việc tăng cường vai trò xã hội của pháp luật hình sự chủ yếu gắn với việc “đưa” đến đâu các tình huống xã hội vào quy phạm pháp luật hình sự và thông tin đến đâu nội dung của quy phạm pháp luật đó cho chủ thể. Việc giải quyết những tình huống xã hội đó cuối cùng lại tùy thuộc vào việc chủ thể có tuân thủ hay không tuân thủ hoặc vi phạm trật tự mà quy phạm pháp luật hình sự đã quy định. Tuy nhiên, chủ thể giải quyết các tình huống xã hội đó trên cơ sở ý thức pháp luật vốn được hình thành (thường là khá lâu trước khi xuất hiện các tình huống xã hội tương ứng) dưới sự tác động pháp lý - đạo đức của pháp luật hình sự. Khởi điểm của sự tác động đó, xét về mặt thời gian, trùng khớp với khởi điểm có hiệu lực của BLHS.

Các quan hệ điều chỉnh và các quan hệ bảo vệ cố nhiên xuất hiện từ thời điểm BLHS có hiệu lực pháp luật. Những quan hệ này hướng về tương lai vì định hướng chính của chúng là chủ thể thực hiện hành vi có ích cho xã hội hoặc kiềm chế, không thực hiện hành vi tội phạm. Việc thực hiện bất kỳ hành vi tội phạm cụ thể nào đó đều chứng tỏ có sự vi phạm quy tắc hành vi (tức quan hệ điều chỉnh của luật hình sự) đã được ghi nhận trong quy phạm pháp luật hình sự tương ứng. Đối với chủ thể có lỗi trong việc thực hiện hành vi tội phạm, hình

⁷ Xem: Prokhorov V.S., Cơ chế điều chỉnh của luật hình sự: Quy phạm, quan hệ pháp luật, trách nhiệm; Krasnodar, 1989, tr.75 (Tiếng Nga)

phạt được quy định trước trong quy phạm pháp luật hình sự cụ thể dường như không có hiệu quả, không kiềm chế được chủ thể đó thực hiện tội phạm, nghĩa là không bảo đảm được các điều kiện an toàn của khách thể bảo vệ của pháp luật hình sự.

Như vậy, không nên đồng nhất các quan hệ xã hội hợp thành khách thể bảo vệ của pháp luật hình sự (mà trước đây thường được hiểu là những quan hệ nền tảng) với các quan hệ điều chỉnh và bảo vệ của pháp luật hình sự. Các quan hệ xã hội hợp thành khách thể bảo vệ của pháp luật hình sự bị quyết định bởi các nguyên nhân kinh tế - xã hội và xét về thực chất không lệ thuộc vào pháp luật hình sự, còn các quan hệ điều chỉnh và bảo vệ của pháp luật hình sự hình thành trên cơ sở pháp luật hình sự để bảo vệ một cách có hiệu quả hơn các quan hệ nền tảng. Một loại khách thể (đối tượng) bảo vệ của pháp luật hình sự là những giá trị xã hội quan trọng hơn như tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự, sở hữu, trật tự an toàn xã hội, lợi ích của Nhà nước... Loại khách thể (đối tượng) bảo vệ khác của pháp luật hình sự là cách xử sự (hành vi) của con người đối với các giá trị xã hội nêu trên. Trên phương diện này, các quan hệ điều chỉnh và bảo vệ rõ ràng có ý nghĩa trực thuộc và phục vụ. Tuy nhiên, khi “phác họa” phạm vi hành vi tội phạm và xác định phạm vi hành vi hợp pháp, luật hình sự không ảnh hưởng đến nội dung của hành vi hợp pháp. Nội dung của hành vi hợp pháp cũng như những khả năng, hình thức hoạt động thực tiễn của con người, nhìn chung bị quyết định bởi nội dung của các quan hệ xã hội nền tảng, được điều chỉnh trên cơ sở các quy phạm của luật Hiến pháp, luật Dân sự và các quy phạm của các ngành luật khác vốn được bảo vệ bằng luật hình sự. Từ đó có thể thấy rằng, trong mối quan hệ với các ngành luật đó, thực hiện pháp luật hình

sự mang tính chất phục vụ và trực thuộc. Bởi lẽ, pháp luật hình sự được định hướng bảo vệ các quan hệ xã hội có tính nền tảng, việc thực hiện pháp luật hình sự đi trước hành vi hợp pháp khi tạo ra các điều kiện thuận lợi cho công dân thực hiện những khả năng được ghi nhận trong những ngành pháp luật nói trên. Vì vậy, đối với hành vi hợp pháp, nếu việc thực hiện các khả năng được ghi nhận trong pháp luật Hiến pháp, pháp luật Dân sự, pháp luật Lao động... thường đòi hỏi hành vi tích cực từ phía chủ thể (như khả năng được bầu cử vào các cơ quan quyền lực, sử dụng tài sản của mình, ký kết hợp đồng lao động...), thì trong phần lớn trường hợp, thực hiện pháp luật hình sự đòi hỏi chủ thể dưới sự tác động của pháp luật hình sự, chỉ kiềm chế không thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội mà BLHS quy định là tội phạm. Việc công bố BLHS có hiệu lực pháp luật, vì vậy là thời điểm bắt đầu xác định hành vi hợp pháp trong quá trình thực hiện pháp luật hình sự. Còn mức độ thuyết phục được mọi người kiềm chế, không thực hiện tội phạm đến đâu lại là chuyện khác, tùy thuộc vào cơ sở xã hội và tính công bằng của BLHS. Tuy nhiên, đây là vấn đề về tính hiệu quả của pháp luật hình sự chứ không phải về cơ chế thực hiện nó.

Khi luận về “hiệu lực của pháp luật”, có quan điểm cho rằng “*Nhìn từ góc độ khoa học, hiệu lực của pháp luật được lý giải bằng hệ vấn đề rộng lớn hơn thực hiện pháp luật. Để nghiên cứu hiệu lực của pháp luật, một mặt, phải có tầm nhìn rộng lớn về pháp luật đang hoạt động trong xã hội tương ứng, mặt khác không chỉ chú ý đến phương diện pháp lý của vấn đề mà còn phải chú ý đến sự thay đổi mà pháp luật mang đến hoặc có thể mang đến cho đời sống xã hội của xã hội. Sự thay đổi mà nội dung của nó thường được người ta thể hiện một cách khuôn mẫu trong khái niệm về cơ chế tác động của pháp luật trong xã hội xã*

hội chủ nghĩa. Khái niệm thực hiện pháp luật gần nhiều hơn với nhóm vấn đề riêng (đặc thù) của pháp luật. Hệ vấn đề của thực hiện pháp luật đòi hỏi trước hết sự chuyển động nội tại của vấn đề pháp luật, bản thân pháp luật, các khuynh hướng và tính quy luật của pháp luật, sự thể hiện (thi hành) những gì mà đạo luật đã quy định vào hoạt động của mọi người⁸. Nhìn từ góc độ “ảnh hưởng” hay “tác động” của pháp luật hình sự đến ý thức pháp luật của công dân nói chung và ý thức pháp luật của các công dân nói riêng, hiệu lực của pháp luật hình sự bắt đầu từ thời điểm đạo luật hình sự có hiệu lực pháp luật, mang lại những thay đổi nhất định trong đời sống xã hội, trong đó có sự xuất hiện của các quan hệ điều chỉnh và các quan hệ bảo vệ của pháp luật hình sự như là những thực tiễn mới của xã hội. Đồng thời, tuy mang tính chất bộ phận nhưng những thay đổi như vậy trong xã hội là thực hiện pháp luật hình sự, là thi hành, là đưa pháp luật hình sự vào cuộc sống.

2. Các hình thức thực hiện pháp luật hình sự

Đối với thực hiện pháp luật hình sự, các vấn đề pháp lý chuyên ngành cũng có ý nghĩa quan trọng, vì vậy không thể không phân tích các hình thức thực hiện pháp luật hình sự.

Hiện nay, trong khoa học pháp lý đang tồn tại hai (nhóm) quan điểm không hoàn toàn giống nhau về phân loại hình thức thực hiện pháp luật. Một số nhà luật học phân biệt “bốn hình thức của hoạt động thực hiện pháp luật là tuân thủ pháp luật, thi hành pháp luật, sử dụng pháp luật, áp dụng pháp luật”⁹. Trong khi đó, khi khẳng định ba hình thức của thực hiện pháp luật là tuân thủ pháp luật, thi hành pháp luật và sử

dụng pháp luật, một số nhà luật học cho rằng, đặc trưng chung của ba hình thức này là pháp luật do chính các chủ thể - các bên tham gia quan hệ tương ứng (có quyền và nghĩa vụ pháp lý) thực hiện. Thế nhưng, trong một loạt trường hợp, xuất hiện cơ quan, cá nhân có thẩm quyền - chủ thể “xen vào” quá trình thực hiện pháp luật, bảo đảm cho quá trình đó được thực hiện một cách trọn vẹn, đưa các quy phạm pháp luật đã ban hành vào cuộc sống một cách đầy đủ và đúng đắn. Đây là trường hợp đặc biệt của hoạt động pháp luật - áp dụng pháp luật (hoặc về nguyên tắc là áp dụng đạo luật). Như vậy, “Áp dụng pháp luật là hoạt động có tổ chức - quyền lực của cơ quan, cá nhân có thẩm quyền bảo đảm thực hiện các quy phạm pháp luật trong những trường hợp cụ thể của cuộc sống”¹⁰.

Đối với áp dụng pháp luật hình sự, quan điểm thứ hai đã nêu trên đây, thiết nghĩ có tính thuyết phục cao hơn vì “sự xen vào” quá trình thực hiện pháp luật hình sự của cơ quan, cá nhân có thẩm quyền là hiện tượng bình thường; mỗi một lần “xen vào” quá trình thực hiện pháp luật, cơ quan, cá nhân có thẩm quyền không chỉ xác định những gì xảy ra trong quá trình thực hiện tội phạm cụ thể mà còn xác định cả những gì nằm ngoài quá trình thực hiện tội phạm cụ thể đó. Trong một tổng thể, cách sắp xếp theo thứ hạng các hình thức thực hiện pháp luật và áp dụng pháp luật với tính cách là “trường hợp hoạt động đặc biệt của pháp luật”, là “trường hợp đặc biệt của thực hiện pháp luật” như trên là hữu ích, bởi nó cho phép phân biệt hành vi hợp pháp và hành vi bất hợp pháp (tội phạm) của công dân, hoạt động áp dụng pháp luật và hành vi có ý nghĩa về mặt pháp luật hình sự.

⁸ Xem: Grevxov Ju.I., Các quan hệ pháp luật và thực hiện pháp luật, Leningrad, 1987, tr.60-61 (Tiếng Nga).

⁹ Xem: Vengherov A.B., Lý luận về Nhà nước và pháp luật, tr. 428 (Tiếng Nga).

¹⁰ Xem: Alekseev S.S., Pháp luật: Điều sơ đẳng - Lý luận - Triết học. Kinh nghiệm nghiên cứu tổng thể, tr.115 (Tiếng Nga).

Liên quan đến vấn đề này, có quan điểm cho rằng “chỉ có cơ quan, người có chức vụ có thẩm quyền mới áp dụng pháp luật. Các công dân không áp dụng pháp luật mặc dù trong một số trường hợp họ được trao quyền chống trả một cách tích cực hành vi trái pháp luật của người khác, chẳng hạn như trong trường hợp phòng vệ chính đáng khi tính mạng, sức khỏe của họ hay của những người thân thích bị xâm phạm hoặc đe dọa trực tiếp xâm phạm”¹¹. Vậy mà, khi phân tích nội dung của luận điểm trên đây, có quan điểm đã nhận xét: “Từ lời văn của luận điểm trên đây hoàn toàn có thể kết luận rằng, dường như Nhà nước đôi khi trao cho công dân thẩm quyền áp dụng pháp luật giống như trao cho người có chức vụ có thẩm quyền, vì cho phép công dân “chống trả một cách tích cực hành vi trái pháp luật của người khác”¹². Tuy nhiên, kết luận mang tính chất võ đoán về công dân được trao thẩm quyền áp dụng pháp luật hình sự trong trường hợp phòng vệ chính đáng, thiết nghĩ là sai lầm, bởi lẽ quyền được phòng vệ chính đáng là hợp phần của quyền được sống (Điều 19 Hiến pháp năm 2013), của quyền bất khả xâm phạm về thân thể, được pháp luật bảo hộ về sức khỏe, danh dự và nhân phẩm (Điều 20 Hiến pháp năm 2013), quyền bất khả xâm phạm tự do cá nhân (các điều 21, 23, 24, 25 Hiến pháp năm 2013). Với vấn đề này, có quan điểm cho rằng “Chính việc kết hợp hai yếu tố: pháp luật - xã hội (pháp luật và tự do của con người là giá trị cao nhất) và pháp luật - tự nhiên (các quyền và tự do của con người mang tính tự nhiên không thể bị tước đoạt), trong tư duy về pháp luật Hiến pháp cho phép khẳng định những định hướng (nguyên tắc) pháp lý mang tính nền tảng được ghi nhận trong Hiến pháp về quyền và tự do của con người, không đơn thuần là sự cân nhắc bài học quá khứ của đất nước

và các yêu cầu của pháp luật quốc tế, mà xét về thực chất, còn là lập trường (quan điểm) pháp lý có cơ sở và đáng tin cậy của chúng ta”¹³. Sự chống trả một cách tích cực đối với hành vi trái pháp luật của người khác trong trường hợp phòng vệ chính đáng, thiết nghĩ không phải là cái gì khác ngoài việc công dân sử dụng quyền cơ bản của mình trên cơ sở quy định của Hiến pháp và được quy định (cụ thể hóa) tại Điều 22 BLHS năm 2015 về phòng vệ chính đáng.

Ở hình thức thứ nhất - tuân thủ pháp luật hình sự (hay còn gọi tuân thủ các điều cấm hình sự), các quy phạm cấm thực hiện của pháp luật hình sự được hiện thực hóa. Tuân thủ pháp luật hình sự là việc chủ thể (cá nhân hoặc pháp nhân thương mại) tự kiềm chế, không thực hiện điều cấm hình sự (tội phạm). Tuân thủ pháp luật hình sự, vì vậy là hành vi mang tính chất thụ động, nhưng đúng pháp luật (hợp pháp), vì chủ thể thực hiện đầy đủ các đòi hỏi của pháp luật hình sự, không thực hiện hành vi tội phạm - hành vi bị nghiêm cấm thực hiện. Hầu hết các quy phạm pháp luật hình sự là quy phạm cấm thực hiện hành vi mà BLHS coi là tội phạm cụ thể. Bởi vậy, tuân thủ pháp luật hình sự là hình thức chủ yếu của thực hiện pháp luật hình sự.

Ở hình thức thứ hai - thi hành (chấp hành) pháp luật hình sự, chủ thể thi hành (chấp hành) nghĩa vụ phải thực hiện đã được ghi nhận trong phần quy định của quy phạm pháp luật hình sự. Bởi vậy, thi hành (chấp hành) pháp luật hình sự là hành vi mang tính chủ động của chủ thể thực hiện pháp luật. Trong luật hình sự, các quy phạm bắt buộc thực hiện ít hơn nhiều so với các quy phạm cấm thực hiện; vì vậy, hình thức thi hành hay chấp hành pháp luật hình sự ít bắt gặp hơn so với hình thức tuân thủ pháp luật hình sự.

¹¹ Xem: chú thích 8, tr.431.

¹² Xem: Từ điển Bách khoa thư pháp lý, tr.277 (Tiếng Nga).

¹³ Xem: Nhersejanx V.S., Triết học của pháp luật, Matxcova, 1997, tr.375 (Tiếng Nga).

Nghĩa vụ thực hiện thường được quy định đối với những người có chức vụ, quyền hạn, chẳng hạn người có chức vụ, quyền hạn trong Tội thiếu trách nhiệm gây thiệt hại đến tài sản của Nhà nước, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp (Điều 179 BLHS năm 2015), hay trong Tội thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng (Điều 360 BLHS năm 2015). Nghĩa vụ thực hiện có thể xuất phát từ chính hoạt động nghề nghiệp của chủ thể như hành vi không cấp cứu bệnh nhân gây tổn hại cho sức khỏe của họ của bác sĩ trực cấp cứu, trong Tội vô ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác do vi phạm quy tắc nghề nghiệp hoặc quy tắc hành chính (Điều 139 BLHS năm 2015); từ trách nhiệm của công dân phải cứu giúp người khác trong Tội không cứu giúp người khác trong tình trạng nguy hiểm đến tính mạng (Điều 132 BLHS năm 2015); hoặc từ những mối quan hệ thân thuộc như nghĩa vụ của người mẹ với con mới đẻ trong Tội giết hoặc vứt con mới đẻ (Điều 124 BLHS năm 2015). Không ít trường hợp, ngoài việc đòi hỏi chủ thể phải kiềm chế, quy phạm cấm cũng đòi hỏi chủ thể phải thực hiện hành vi nhất định, song chủ thể đã không thực hiện, ví dụ hành vi của con cái không cho cha (mẹ) ăn, uống làm cha (mẹ) chết trong Tội giết người (Điều 123 BLHS năm 2015). Trong trường hợp này, hành vi giết người được thực hiện bằng không hành động.

Ở hình thức thứ ba - sử dụng (vận dụng) pháp luật hình sự, chủ thể sử dụng (vận dụng) quyền chủ thể đã được ghi nhận trong phần quy định của quy phạm pháp luật hình sự. Trong BLHS, các quy phạm cho phép chủ thể sử dụng (vận dụng) quyền chủ thể của mình chiếm tỷ lệ không lớn. Các quy phạm cho phép (giao quyền), vì vậy được giới hạn ở những trường hợp loại trừ trách nhiệm hình sự (các điều từ Điều 22 đến Điều 26 BLHS năm 2015). Mặc dù về nội dung, chúng rất gần với những

quy phạm về miễn trách nhiệm hình sự đối với những chủ thể đã thực hiện những hành vi nhất định nhưng do hội đủ những điều kiện được quy định trong pháp luật hình sự nên được miễn truy cứu trách nhiệm hình sự. Ví dụ: Hành vi của người đã nhận làm gián điệp nhưng không thực hiện nhiệm vụ được giao và tự thú, thành khẩn khai báo với cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong Tội gián điệp (Điều 110 BLHS năm 2015). Trong những trường hợp đó, các quyền chủ thể được ghi nhận trong các quy phạm này được hiện thực hóa không bởi hành vi hợp pháp của chủ thể mà bởi hành vi đáng được khoan hồng của họ sau khi đã thực hiện tội phạm. Chính vì vậy, việc sử dụng (vận dụng) các quyền đó cũng chỉ là một dạng của miễn trách nhiệm hình sự, chứ hoàn toàn không phải là hình thức thực hiện các quyền chủ thể của công dân trong quan hệ pháp luật hình sự - thực hiện hành vi hợp pháp.

Áp dụng pháp luật, như đã nhấn mạnh, là hoạt động của các cơ quan có thẩm quyền (điều tra, truy tố, xét xử) bảo đảm cho các quy phạm pháp luật hình sự và các quy phạm pháp luật tố tụng hình sự được thực hiện trong những trường hợp cụ thể của cuộc sống. Trong những tình huống phức tạp của việc tuân thủ điều cấm hình sự và thi hành (chấp hành) nghĩa vụ chủ thể đã được ghi nhận trong các quy phạm pháp luật hình sự, các cơ quan có thẩm quyền xác định (phân biệt rõ) hành vi của chủ thể là hợp pháp hay là tội phạm và khẳng định trong văn bản áp dụng pháp luật có hay không có cấu thành tội phạm. Bởi lẽ, việc sử dụng các quyền chủ thể thuộc sự điều chỉnh của pháp luật hình sự chỉ diễn ra trong những trường hợp có gây ra thiệt hại cho khách thể bảo vệ của pháp luật (nói cách khác, việc sử dụng các quyền đó được thực hiện ngoài phạm vi của pháp luật hình sự), nên phải ban hành văn bản quy phạm phân biệt

hành vi gây thiệt hại cho khách thể bảo vệ là hợp pháp hay tội phạm. Việc tiến hành điều tra, xác minh thiệt hại đó theo trình tự, thủ tục của quá trình áp dụng pháp luật, vì vậy cũng là hiển nhiên và dễ hiểu. Khi xác nhận sự kiện của hành vi hợp pháp (tức xác nhận không có mối quan hệ trách nhiệm giữa chủ thể có hành vi và Nhà nước) trong quá trình áp dụng pháp luật, các cơ quan, cá nhân có thẩm quyền đưa ra sự đánh giá của mình đối với sự kiện đã xảy ra làm sao để hoạt động hợp pháp của chủ thể không bị cản trở, đồng thời để các quyền của họ không bị tiêu tan bởi các cơ quan, cá nhân có thẩm quyền.

Liên quan đến pháp luật hình sự, ngoài hành vi hợp pháp và hành vi tội phạm, còn có những trường hợp không thuộc phạm vi của hai dạng hành vi nói trên. Xét theo bản chất, những trường hợp này không thể điều chỉnh bằng các quy phạm pháp luật hình sự (như gây thiệt hại trong trường hợp không có lỗi, hành vi của những người không có năng lực trách nhiệm pháp lý, trong đó có hành vi của những người không đạt độ tuổi chịu trách nhiệm hình sự) và tất nhiên không thể đánh giá từ góc độ hành vi hợp pháp và hành vi tội phạm. Những trường hợp này có thể được gọi một cách có quy ước là “phạm vi” gây thiệt hại khách quan, mà mỗi một trường hợp cụ thể, theo quy định của pháp luật, do các cơ quan áp dụng pháp luật xác định.

Khi phân tích tính đặc thù của quy phạm pháp luật hình sự, có quan điểm cho rằng *“việc áp dụng quy phạm pháp luật hình sự chỉ gắn với quyết định cuối cùng (khẳng định và phủ nhận) đối với vấn đề về trách nhiệm hình sự hoặc hình phạt đối với chủ thể. Vì vậy, không phải mỗi văn bản tố tụng hình sự gắn với định tội danh, đồng thời là văn bản áp dụng quy phạm pháp luật hình*

*sự”*¹⁴. Chính nhu cầu giải quyết đến tận cùng vấn đề về thiếu cơ sở để hình thành quan hệ trách nhiệm hình sự đòi hỏi trong hoạt động áp dụng pháp luật phải xác định (phân biệt) hành vi hợp pháp và hành vi tội phạm trong những tình huống phức tạp của việc tuân thủ các điều cấm và thi hành (chấp hành) các nghĩa vụ, đòi hỏi phải áp dụng các quy phạm về sử dụng (vận dụng) các quyền chủ thể (như trong các trường hợp loại trừ trách nhiệm hình sự ghi nhận tại các điều từ Điều 22 đến Điều 26 BLHS năm 2015), hoặc liên quan đến việc gây thiệt hại khách quan như gây thiệt hại trong sự kiện bất ngờ (Điều 20 BLHS năm 2015).

Như vậy, hoạt động áp dụng pháp luật hình sự không chỉ bao hàm những văn bản có các quy phạm pháp luật hình sự được áp dụng trực tiếp, mà còn bao hàm cả những văn bản có quy phạm liên quan đến sự đánh giá chung của pháp luật hình sự đối với các hành vi của con người cũng như đối với hoạt động của tổ chức (pháp nhân thương mại) là hợp pháp hoặc là tội phạm. Sự đánh giá sơ bộ vấn đề trách nhiệm hình sự hoặc hình phạt đối với chủ thể làm cho nó trở thành “bước” (công đoạn) đầu tiên của thực hiện quy phạm pháp luật hình sự trong hoạt động áp dụng pháp luật hình sự. Nếu từ góc độ đánh giá chung của pháp luật hình sự, các cơ quan bảo vệ pháp luật kết luận trong hành vi của chủ thể có các dấu hiệu của cấu thành tội phạm (có cơ sở hình thành quan hệ trách nhiệm pháp lý hình sự), hoạt động áp dụng pháp luật hình sự chuyển sang bước (công đoạn) thứ hai. Tại bước (công đoạn) này, vấn đề có hoặc không có cơ sở miễn trách nhiệm hình sự, áp dụng hay không áp dụng thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự (Điều 27 BLHS năm 2015) được giải quyết. Khi giải quyết vấn đề theo

¹⁴ Xem: Naumov A.B., Áp dụng quy phạm pháp luật hình sự, Volgograd, 1973, tr. 69 (Tiếng Nga).

hướng bất lợi đối với chủ thể, hoạt động áp dụng pháp luật hình sự chuyển sang bước (công đoạn) thứ ba: Quyết định hình phạt. Trong bước (công đoạn) này, xuất phát từ nội dung của trách nhiệm đã hình thành, trên cơ sở các quy phạm pháp luật hình sự về quyết định hình phạt (Điều 50, 51, 52, 53, 56, 102, 103... BLHS năm 2015), Tòa án xác định loại và mức hình phạt đối với chủ thể thực hiện tội phạm.

Việc quy định và tách ra ngay trong BLHS các cơ sở, điều kiện, trình tự miễn hình phạt (Điều 27 BLHS năm 2015) chứng minh có bước (công đoạn) thứ tư của thực hiện pháp luật hình sự trong hoạt động áp dụng pháp luật hình sự: miễn hình phạt.

Như vậy, thực hiện pháp luật hình sự diễn ra trong hai phạm vi: Phạm vi hành vi hợp pháp và phạm vi hành vi tội phạm. Trong phạm vi thứ nhất, thực hiện pháp luật diễn ra thông qua các quan hệ điều chỉnh và các quan hệ bảo vệ của pháp luật hình sự và thường không đi đôi với hoạt động áp dụng pháp luật hình sự. Hoạt động áp dụng pháp luật hình sự chỉ xảy ra trong những tình huống phức tạp đòi hỏi phải xác định (phân biệt) hành vi hợp pháp và hành vi tội phạm, khi gây thiệt hại khách quan (hành vi không phải là tội phạm). Nếu kết quả của hoạt động đó (liên quan đến hành vi hợp pháp) là xác nhận không có (không hình thành) quan hệ trách nhiệm hoặc phát hiện tính nguyên vẹn (không bị phá hủy, không bị tổn hại) của các quan hệ điều chỉnh của pháp luật và của các quan hệ điều chỉnh của pháp luật hình sự, các cơ quan áp dụng pháp luật hình sự đưa ra kết luận cuối cùng về tính hợp pháp của hành vi này hay hành vi khác của con người. Trong phần lớn các trường hợp, ngoại trừ áp dụng biện pháp chữa bệnh bắt buộc, hoạt động áp dụng pháp luật hình sự chấm dứt tại đây.

Ở phạm vi thứ hai, những trường hợp được xác nhận có quan hệ trách nhiệm,

thực hiện pháp luật hình sự diễn ra trong giới hạn của những quan hệ đó bằng hoạt động áp dụng các quy phạm pháp luật hình sự. Các hình thức của hoạt động này là miễn trách nhiệm hình sự, quyết định hình phạt và miễn hình phạt vốn được quyết định bởi nội dung quan hệ trách nhiệm, hay nói cách khác là xuất phát từ nội dung thực tế của các quan hệ điều chỉnh và các quan hệ bảo vệ của pháp luật hình sự bị hành vi nguy hiểm cho xã hội xâm hại. Tính liên tục trong sự chuyển tiếp từ một loại hình thức này sang một loại hình thức khác của hoạt động áp dụng pháp luật hình sự nhìn chung là tương ứng với các bước (công đoạn) xác nhận nội dung quan hệ trách nhiệm hình sự vốn được là cơ sở để chấm dứt quan hệ tương ứng và hoạt động phù hợp với nó./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Grevxov Ju.I., (1987), *Các quan hệ pháp luật và thực hiện pháp luật*, Leningrad (Tiếng Nga).
2. Hồ Sỹ Sơn, *Áp dụng pháp luật hình sự: Một số vấn đề lý luận*, Tạp chí Nhân lực Khoa học xã hội, số 2/2018.
3. Koghan V.M., (1983), *Cơ chế xã hội của sự tác động của pháp luật hình sự*, Mátxcova, (Tiếng Nga).
4. Leushin V. N., (2000), *Thực hiện và áp dụng pháp luật*, trong sách "Lý luận về Nhà nước và Pháp luật", Mátxcova (Tiếng Nga).
5. Naumov A.B., (1973), *Áp dụng quy phạm pháp luật hình sự*, Volgograd, (Tiếng Nga).
6. Nheresjanx V.S., (1997), *Triết học của pháp luật*, Mátxcova, (Tiếng Nga).
7. Prokhorov V.S., (1989), *Cơ chế điều chỉnh của pháp luật hình sự: Quy phạm, quan hệ pháp luật, trách nhiệm* (1997), Krasnodar, (Tiếng Nga).
8. Vengherov A.B., (2000), *Lý luận về Nhà nước và pháp luật*, Mátxcova, (Tiếng Nga).
9. Võ Khánh Vinh, *Áp dụng pháp luật hình sự: Những vấn đề lý luận và thực tiễn* (Kỳ I), Tạp chí Khoa học Kiểm sát, số 03 (38)/2020; (Kỳ II), số 04(40)/2020.
10. Võ Khánh Vinh, (Chủ biên), (2008), *Giáo trình Lý luận chung về Nhà nước và Pháp luật*, Nhà xuất bản Công an nhân dân, Hà Nội.